

Kỷ Niệm Với Nguyễn Đức Quang

Chèo Xuồng Qua Đảo Hoang

Khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ của Đà Lạt kích thích óc mạo hiểm của chúng tôi. Trong nhiều chuyến thám du vào tận những nơi mà dân thành thị không bao giờ dám đặt chân đến, nhiều khi hai ba đứa rủ nhau đi riêng lẻ chứ không phải đi cắm trại với Hương Đạo. Đối với ngọn núi Langbian mà dân Đà Lạt thường gọi là núi Bà thì chúng tôi đã từng lên tận đỉnh của ngọn núi cao năm bảy lần, không đi theo đường mòn hoặc đường bậc cấp có từ năm 1956 do ty công chánh Đà Lạt làm để cho tổng thống Ngô Đình Diệm lên thăm đỉnh Langbian. Mùa hè năm 1963 không hiểu do tin từ đâu mà làn sóng người từ Sài Gòn, Miền Trung, Miền Tây ùn ùn kéo về Đà Lạt để lên tận Núi Bà lấy “nước” về chữa bệnh. Người ta kéo nhau đi bất kể ngày đêm, leo lên tận đỉnh rồi xuống phía bên kia núi lấy nước, sau đó leo lên lại đỉnh rồi xuống núi trở về. Thấy vậy một số anh em Hương Đạo chúng tôi tổ chức cắm trại ở giữa ngọn Núi Bà để giúp đưa người lên xuống núi. Tháng năm tháng sáu ở Đà Lạt là mùa mưa nên chúng tôi cũng khá vất vả nhưng hết sức vui. Không biết “nước thánh nước thần” có chữa bệnh được cho ai không chứ thấy thiên hạ bỏ công bỏ tiền để lặn lội mang về những chai nước đổ ngẫu cẩu bần chúng tôi cũng ái ngại ra mặt. Những địa danh như Suối Tía, Núi Voi, Cam Ly Thượng, Mang Linh, Số Chín, Suối Vàng, Suối Bạc, Ankroet, Đơn Dương, Di Linh, Bảo Lộc, Krong pha... không nơi nào không có dấu chân chúng tôi. Có một lần vào sáng sớm chủ nhật, Quang đạp chiếc xe “court” đến nhà tôi và rủ tôi cùng đạp xe lên hướng núi Bà để vào buôn Thượng cưỡi ngựa. Tôi đồng ý. Chúng tôi ghé quán mua mấy ổ bánh mì và mấy bịch muối đem theo. Tôi cũng có một chiếc xe đạp “court”, hai đứa phóng lên ngựa sắt hướng về chân núi Langbian. Chúng tôi đến buôn Mang Linh và thấy hai người đàn ông đang phác cỏ xén bờ nương với những chiếc “phẳng”, chúng tôi chào hỏi nói chuyện và cho biết chúng tôi muốn thuê ngựa để cưỡi. Chúng tôi đưa mỗi người hai ổ bánh mì và một bịch muối. Hai người đàn ông đi ra phía bìa rừng dắt hai con ngựa, buộc khớp và dây vào mõm rồi vẫy tay gọi chúng tôi đến giao hai con ngựa. Họ dắt hai chiếc xe đạp vào dựng ở dưới nhà sàn. Những con ngựa của người Thượng không to cao và đẹp như những con ngựa của Trường Võ Bị Đà Lạt mà chúng tôi thường thấy nên chúng tôi nắm bõm

leo lên lưng chúng dễ dàng. Không có yên ngựa, không có vòng để chân nên chúng tôi chỉ dám để cho ngựa đi lững thững, muốn ngựa chạy nhanh hơn cũng chẳng biết phải làm sao, cương ngựa là một đoạn dây thừng, nắm dây giật giật cũng chỉ làm cho chúng ngoẹo cổ qua bên trái rồi ngoẹo qua phải mà thôi, nếu giật hai bên dây cùng một lúc thì chúng dừng lại. Dùng chân húc mạnh vào bụng cũng vô ích. Chúng tôi đành buông cương chịu trận để chúng đi cứ đi tà tà băng qua mấy ngọn đồi cỏ xanh, hết đồi này sang đồi khác. Đi khoảng gần một tiếng đồng hồ, từ trên đồi nhìn xuống chúng tôi thấy một hồ nước rộng mênh mông. Thì ra đó là hồ Suối Bạc, tức là hồ lớn cách đập Suối Vàng khoảng hơn một cây số. Chúng tôi quyết định xuống ngựa và bắt đầu một trò khác: chèo thuyền. Thấy một chiếc xuồng con bình bồng ở mạn hồ, quan sát không thấy có ai gần đó, chúng tôi bước xuống chiếc xuồng dài khoảng hơn hai mét, rộng hơn một mét với một chiếc dầm chèo ở trong lòng xuồng. Bẻ thêm một nhánh cây làm dầm, chúng tôi nhắm hướng bên kia hồ để chèo tới. Chúng tôi lấy bánh mì ra ăn rồi tiếp tục chèo gần ba mươi phút mới bước lên bờ bên kia. Chúng tôi vô cùng ngạc nhiên và thích thú vì đi thêm một khoảng xa vài trăm thước thì thấy xác bốn năm chiếc xe jeep nhà binh đã sét rỉ nằm ngổn ngang dưới đám cỏ cao khỏi đầu. Lấy làm lạ, chúng tôi đến gần để nhìn thì thấy bên hông xe có ghi mấy hàng chữ mà chúng tôi đoán là chữ Nhật. Điều này được xác nhận là đúng khi trở về hỏi mấy người lớn tuổi, họ cho biết đó là một trong những căn cứ của Nhật thời đệ nhị thế chiến, nơi đây, một mặt quân đội Nhật dùng để dấu vũ khí, một mặt chúng đi tìm vàng. Không hiểu có ai từng đến đảo này chưa sau khi quân đội Nhật rút lui nhưng khi hai đứa tôi tình cờ mạo hiểm đến đó thì nơi này hoàn toàn hoang vắng, không một dấu tích gì cho biết là có người thường đến. Về sau chúng tôi cũng nghe được một số câu chuyện về những địa điểm bí mật mà quân đội Nhật đã xây dựng những cơ sở quân sự nhiều nơi ở Đalat để yểm trợ cho việc tìm kiếm mỏ vàng. Tôi và Quang cứ thế tò mò đi hết khu này sang khu khác và thấy rất nhiều dụng cụ bằng kim loại hư sét, những đồng hồ vụn khắp nơi không định hình được thứ gì ra thứ gì cả. Sau hơn một tiếng đồng hồ lục lạo, nghe gió từ hồ lùa lên đảo khiến chúng tôi cảm thấy lạnh nên hai đứa quyết định rời đảo. Nhắm hướng cũ chèo thuyền trở lại nhưng chúng tôi không ngờ là khi chèo về bị ngược gió, mãi lay hoay với một chiếc dầm và một khúc cây, chiếc xuồng bé xíu không di chuyển được bao nhiêu trên hồ ngược gió. Hai đứa càng chèo càng thấm mệt và bắt đầu lo sợ. Nếu không về được bên kia trước khi trời tối thì rất nguy, có thể gió mạnh làm thuyền dạt lui vào đảo. Trời tối làm sao trở lại Mang Linh để lấy xe đạp mà về! Còn một điều nữa là

hai con ngựa, không hiểu chúng còn đó hay chạy đi đâu mất rồi? Chúng tôi bảo nhau là phải liên tục chèo mới trở về được. Bụng đói, gió lạnh nhưng cũng toát mồ hôi vì sợ! Cuối cùng thì chúng tôi lên được bờ cũ, không thấy bóng dáng hai con ngựa đâu cả nên bèn nhắm hướng về phía Núi Bà chạy bộ về buôn Mang Linh khi trời đã ngả về chiều. Thấy hai con ngựa đứng ở bãi cỏ trước mấy ngôi nhà sàn, chúng tôi yên tâm nhìn nhau cười mừng. Mấy người Thượng thấy chúng tôi về và thấy cả hai con ngựa nên họ đều cười vui vẻ. Leo lên xe đạp mới thấy đói lả, muốn dừng lại hái vài trái dưa leo bên bờ nương để ăn nhưng không dám vì chúng tôi từng nghe rằng nếu ăn cắp bất cứ thứ gì của người Thượng sẽ bị “thư”. Cũng may dọc đường sau đó nhặt được mấy củ cà rốt nhỏ do xe ngựa chở rau cải từ các nhà vườn đánh rơi. Chúng tôi phải sạch đất và nhai một cách ngon lành. Đạp về đến Dòng Chúa Cứu Thế thấy dưới phố Đalat đã lên đèn...

Phong Châu

